TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST Ngày: 06-02-2018. V/v**:** " Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con giữa chi T và anh D".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Quang Vinh

2.Ông Vương Xuân Tượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng- Thư lý Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn và quyền nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 56/2 Ngô Thì Nhậm, phường 4, thành phố Đà Lạt.

Bị đơn: Anh Triệu Quang D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 14A T, phường D, thành phố Đ.Tỉnh L

Người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của anh D: Bà Nguyễn Thị Đ – Là Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự, Luật sư đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt ngày và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày*:* Chị và anh Triệu Quang D

đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân phường D, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng cha mẹ chồng, được 5 tháng thì thuê nhà ở riêng, sau khi có con cha mẹ chồng mua nhà cho ở tại đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh L. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh anh Triệu Quang D không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên đi chơi qua đêm không về. Chị đã cố gắng níu kéo nhưng anh D không về, nay chị xác định không còn tình cảm với anh Triệu Quang D, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh anh Triệu Quang D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là tên Triệu Thẩm T1, sinh ngày 10/12/2012. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Triệu Quang D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Chị không đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng vì con còn quá nhỏ lại là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nên chị muốn nuôi con để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn, khi con đủ 7 tuổi nếu con có nguyện vọng muốn ở với ba thì chị đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng. Chị làm nghề uốn tóc có thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị kinh doanh bất động sản thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 30.000.000đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay chị đã thuê nhà khác để ở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn anh Triệu Quang D trình bày: Anh và chị T kết hôn như chị T trình bày là đúng, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T lừa dối anh không cho anh biết trước khi kết hôn với anh đã có một đời chồng và có 2 hai con, sau đó anh còn phát hiện chị T có quan hệ nam nữ không trong sáng với nhiều người khác, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn hai năm. Nay anh cũng yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung :Vợ chồng có 01 con là cháu Triệu Thẩm T1, sinh ngày 10/12/2012. Đối với việc chăm sóc cháu Triệu Thẩm T1 thì con chỉ ở với mẹ vào ban đêm, sáng sớm chị T chở con đến trường, chiều thì anh hoặc mẹ anh đến trường đón bé về nhà bà nội để cho cháu ăn uống, tắm rửa, đến tối chị T đến đón cháu về ngủ. Tiền học và tiền ăn hàng tháng thì mẹ anh là người trực tiếp đóng cho Trường mẫu giáo D suốt thời gian cháu đi học từ tháng 10/2014 cho đến nay. Tiền quần áo, sữa, đồ chơi cho con thì anh là người trực tiếp mua sắm. Anh đang làm cho cha mẹ anh với mức lương mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, ngoài ra anh còn còn chạy xe tải thuê với thu nhập mỗi tháng là 12.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000đồng. Chi T không có nhà cửa ổn định, căn nhà số 56/2 Đ, phường D, thành phố Đ là nhà của cha mẹ anh, sau khi ly hôn chi T phải dọn ra khỏi căn nhà đó, còn anh có nhà cửa ổn định. Trước khi kết hôn với anh thì chi T đã có một đời chồng và hai người con riêng, sau khi ly hôn với người chồng trước thì hai con chi T không nuôi mà giao cho bố và ông bà nội. Theo anh được biết hiện nay chi T đang có quan hệ tình cảm với những

người đàn ông khác thể hiện tư cách đạo đức của chi T không tốt nên không thể nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trở thành người tốt được. Nguyện vọng của anh khi ly hôn là xin được nuôi dưỡng con chung vì anh có điều kiện tốt hơn để chăm sóc, nuôi dưỡng con (anh D có cung cấp một số hình ảnh để tòa có căn cứ xem xét). Về cấp dưỡng anh không yêu cầu chi T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh D xác định không có

Về nợ chung: anh D xác định không có.

Tại Phiên tòa, các bên đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của anh Triệu Quang D trình bày yêu cầu và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị T

Về con chung: Vấn đề giao con cho ai nuôi phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con. Đề nghị Hội dồng xét xử giao con anh D nuôi vì từ trước đến nay việc đón con đi học về là do anh D và ông bà nội, chị T chỉ đón con về nhà ngủ, sau khi ly hôn anh D đươc bố mẹ cho nhà để ở thể hiện cha mẹ anh D làm văn bản cam kết có công chứng là sau khi ly hôn cho anh D nhà; anh D có thu nhập ổn định. Đối với chi T không có nhà cửa ổn định, căn nhà số 56/2 đường Đ, phường D, thành phố Đ là nhà của cha mẹ anh D, sau khi ly hôn chi T phải dọn ra khỏi căn nhà đó, hơn trước khi kết hôn với anh D thì chị T đã có một đời chồng và hai người con riêng; hơn nữa được biết hiện nay chị T đang có quan hệ tình cảm nam nữ không trong sáng nên ảnh hưởng đến con cái. Về cấp dưỡng anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của nhưng người tham gia tố tụng. Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Triệu Quang D. Về con chung: đề nghị xử giao con cho anh D nuôi dưỡng với lý do trong quá trình chung sống việc chăm sóc con chủ yêu do anh D và trước khi kết hôn với anh D thì chị T đã có hai người con riêng. Về tài sản chung hai bên xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tung tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Chị Nguyễn Thị Phương T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Triệu Quang D và yêu cầu nuôi con, anh D cũng yêu cầu ly hôn và cũng yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Ly hôn và tranh

chấp nuôi con". Anh Triệu Quang D, sinh sống tại số 14A đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khỏa 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Triệu Quang D, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Triệu Quang D, là tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nay chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử động viên chị T và anh D trở lại hàn gắn tình cảm với nhau nhưng cả hai bên không đồng ý. Xét thấy qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, tai phiên tòa hôm nay hai bên đều yêu cầu được ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức, nên áp dụng Điều 55 luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh anh Triệu Quang D.

[3] Về con chung: Giữa vợ chồng Nguyễn Thị Phương T và anh anh Triệu Quang D có 01 con là cháu Triệu Thẩm T1, sinh ngày 10/12/2012, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn hai bên có tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con. Xét về điều kiện của hai bên nhận thấy về thu nhập hai bên đều có công việc ổn định, đều có thu nhập; về nhà ở anh D cho rằng chị T không có nhà ở sau khi ly hôn, nhận thấy hiện nay tuy không được cha mẹ sẽ cho nhà như anh D, nhưng chị T cũng đã thuê nhà ở và mở tiệm uốn tóc nên cũng có chỗ ở như vậy hai bên đều có điều kiện như nhau về thu nhập và chỗ ở. Về lý do anh D và Luật sư cho rằng chị T quan hệ tình cảm với nhiều đàn ông (cung cấp hình ảnh chị T chụp chung với đàn ông) thể hiện tư cách đạo đức của chị T không tốt nên không thể nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trở thành người tốt được, xét thấy những tấm ảnh chị T chụp chung với bạn trai, không rõ vào chụp thời điểm nào, mà chị T cho rằng là bạn bè chụp đưa công khai trên mạng, không có gì lén lút nên những chứng cứ này không đủ cơ sở kết luận tư cách đạo đức của chi T là không tốt ảnh hưởng đến con. Về ý kiến của Đại diện viện Kiểm sát và anh D đưa ra việc cháu Triệu Thẩm T1 chỉ ở với mẹ vào ban đêm, sáng sớm chi T chở con đến trường, chiều thì anh hoặc mẹ anh đến trường đón bé về nhà bà nội để cho cháu ăn uống, tắm rửa, đến tối chi T đến đón cháu về ngủ, tiền học và tiền ăn hàng tháng thì mẹ anh là người trực tiếp đóng cho Trường mẫu giáo Du Sinh, trong suốt thời gian cháu đi học từ tháng 10/2014 cho đến nay, và cho rằng chị T đã có hai người con riêng, sau khi ly hôn với người chồng trước thì hai con chi T không nuôi mà giao cho bố và ông bà nôi của các cháu nên không giao con cho chị T nuôi; nhận thấy việc chăm sóc cháu Thẩm Trân thời gian vừa qua là xuất phát từ trách nhiệm của người cha và là tình cảm của ông bà đối với cháu trong thời gian mẹ phải làm việc; Việc có con riêng không trực tiếp nuôi như chị T khai là do hoàn cảnh khi ly hôn trước đây của chị còn trẻ, chưa có điều kiện nuôi con, nay chi có điều kiện nhưng cuộc sống của các con đã ổn định và không có nguyện vọng ở với chị; nên những lý do này không phải là điều kiện cho rằng

chị T không đủ điều kiện nuôi cháu T1. Xét thấy giao con cho ai nuôi phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con mà hiện nay cháu Thắm T1 còn nhỏ, lại là cháu gái, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, hơn nữa chi T cũng đồng ý khi con đủ 7 tuổi nếu con có nguyện vọng muốn ở với anh D thì chị đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T giao con cho chi T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với qui đinh của pháp luật. Về yêu cầu của chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, nhận thấy anh D có thu nhập mỗi tháng trên 20.000.000đ, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T không quá sức so với thu nhập của anh D, hơn nữa với điều kiện sinh hoạt hiện nay mức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của Chị T cũng chỉ đủ trang trải viêc học hành cho cháu chưa kể các phí khác, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên là phù hợp với thực tế và pháp luật và bảo đảm được cuộc sống của con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có nên không đề cập.

[5] Về nợ chung : Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[6] Về án phí : Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1-Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh anh Triệu Quang D.

2 -Tuyên xử**:**

2.1 Về con chung: Giao con chung tên Triệu Thắm T1, sinh ngày 10/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh Triệu Quang D cấp dưỡng nuôi con môi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2018 cho đến khi con thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2 Về án phí: Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0001791 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt) chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp đủ. Anh Triệu Quang D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Phương T anh Triệu Quang D, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường D.Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vường Xuân Tượng

+ Ông Phạm Quang Vinh

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:583/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 56/2 Ngô Thì Nhậm, phường 4, thành phố Đà Lạt.

Bị đơn: Anh Triệu Quang D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 14A Thiện Ý, phường 4, thành phố Đà Lạt.

Căn vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viên kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh: Chị T Xin ly hôn anh D đồng ý, nhưng hai bên có tranh chấp nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là " ly hôn và tranh chấp nuôi con"

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Vương Xuân Tượng: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

2. Về điều luật và các văn bản pháp luật được áp dụng:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, 38 Điều 147,của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Vương Xuân Tượng: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

3. Về giải quyết các vấn đề của vụ án:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Vương Xuân Tượng

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nay chị T xin ly hôn. Xét thấy qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, tai phiên tòa hôm nay hai bên đều yêu cầu được ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức, công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa giữa chị T và anh anh D.

Về con chung: Giữa vợ chồng T và anh anh D có 01 con là cháu Triệu Thẩm Trân, sinh ngày 10/12/2012, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn hai bên có tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con. Xét về điều kiện của hai bên nhận thấy về thu nhập hai bên đều có công việc ổn định, đều có thu nhập; về nhà ở anh D cho rằng chị T không có nhà ở sau khi ly hôn, nhận thấy hiện nay tuy không được cha mẹ sẽ cho nhà như anh D, nhưng chị T cũng đã thuê nhà ở và mở tiệm uốn tóc nên cũng có chỗ ở như vậy hai bên đều có điều kiện như nhau về thu nhập và chỗ ở. Về lý do anh D và Luật sư cho rằng chị T quan hệ tình cảm với nhiều đàn ông, xét thấy những tấm ảnh chị T chụp chung với bạn trai, không rõ vào chụp thời điểm nào, mà chị T cho rằng là bạn bè chụp đưa công khai trên mạng, không có gì lén lút nên những chứng cứ này không đủ cơ sở kết luận tư cách đạo đức của chi T là không tốt ảnh hưởng đến con. Về ý kiến của Đại diện viện Kiểm sát và anh D đưa ra việc cháu Triệu Thẩm Trân chủ yếu do anh D và ông bà chăm sóc chỉ tối ngủ với mẹ, và cho rằng chị T đã có hai người con riêng, sau khi ly hôn với người chồng trước thì hai con chi T không nuôi mà giao cho bố và ông bà nôi của các cháu nên không giao con cho chị T nuôi; nhận thấy việc chăm sóc cháu Thẩm Trân thời gian vừa qua là xuất phát từ trách nhiệm của người cha và là tình cảm của ông bà đối với cháu trong thời gian mẹ phải làm việc; Việc có con riêng không trực tiếp nuôi như chị T khai là do hoàn cảnh khi ly hôn trước đây của chị còn trẻ, chưa có điều kiện nuôi con, nay chi có điều kiện nhưng cuộc sống của các con đã ổn định và không có nguyện vọng ở với chị; nên những lý do này không phải là điều kiện cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi cháu Trân. cháu Thẩm Trân còn nhỏ, lại là cháu gái, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, hơn nữa chi T cũng đồng ý khi con đủ 7 tuổi nếu con có nguyện vọng muốn ở với anh D thì chị đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T giao con cho chi T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với qui đinh của pháp luật. Về yêu cầu của chị T yêu cầu yều cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, nhận thấy anh D có thu nhập mỗi tháng trên 20.000.000đ, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T không quá sức so với thu nhập của D, hơn nữa với điều kiện sinh hoạt hiện nay mức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của Chị T cũng chỉ đủ trang trải viêc học hành cho cháu chưa kể các phí khác, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên là phù hợp với thực tế và pháp luật và bảo đảm được cuộc sống của con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Vương Xuân Tượng.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa:

Thống nhất với ý kiến của hai Hội thẩm về quan hệ hôn nhân.

Không thống nhất về con chung: nên giao cho anh D nuôi theo đề nghị của Đại diện Viên kiểm sát.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến:

1. Công nhận thuận tinh ly hôn giưa hai bên dương sự

2-Giao con chung tên Triệu Thẩm Trân, sinh ngày 10/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh Triệu Quang D cấp dưỡng nuôi con môi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2018 cho đến khi con thành niên.

4-Về án phí:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Vương Xuân Tượng: Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui đinh.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Vương Xuân Tượng.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm quang Vinh- Vương Xuân Tượng Đoàn Thị Tuyết Nga

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- UBND phường7.Tp.Đà Lạt
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Tuyết Nga